

Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững du lịch sinh thái ở rừng phòng hộ Tà Thiết

Dinh Thanh Sang

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Potential and solutions for sustainable ecotourism development in Ta Thiet protection forest

Dinh Thanh Sang

Thu Dau Mot University

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.14.6.2025.102-111>

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 15/06/2025

Ngày phản biện: 21/07/2025

Ngày quyết định đăng: 25/08/2025

Từ khóa:

Di tích lịch sử, du lịch sinh thái, đa dạng sinh học, rừng phòng hộ, văn hóa truyền thống.

Keywords:

Biodiversity, ecotourism, historical vestiges, protection forest, traditional culture.

TÓM TẮT

Bằng việc áp dụng công cụ SWOT, phương pháp phỏng vấn, kế thừa tư liệu và khảo sát hiện trạng, vốn nhân văn và tài nguyên rừng ở khu vực rừng phòng hộ Tà Thiết (RPHTT) đã được ghi nhận. Tà Thiết chứa đựng nhiều thế mạnh cho phát triển nhiều loại hình dịch vụ du lịch sinh thái (DLST). RPHTT có 86 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 46 họ; hệ động vật với 58 loài cá, 52 loài chim, 26 loài côn trùng, 14 loài thú, 12 loài bò sát, 3 loài lưỡng cư. Hơn nữa, Tà Thiết có 19 loài sinh vật nằm trong Sách đỏ thế giới IUCN. Mặt khác, sông Măng và khoảng 20 con suối tự nhiên đẹp làm cho RPHTT thêm hấp dẫn. Đặc biệt, Tà Thiết có nhiều di tích lịch sử của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và là khu vực cư trú của đồng bào thiểu số S'tieng và Khmer với những nét đặc trưng tạo sức hút đối với khách du lịch. Tuy vậy, hoạt động DLST ở Tà Thiết còn thiếu nhiều nguồn lực, gặp nhiều khó khăn và chưa phát triển tương xứng với các thế mạnh về vốn tự nhiên cũng như nhân văn. Do đó, các nhóm giải pháp đã được đề xuất nhằm phát triển bền vững DLST cho RPHTT.

ABSTRACT

Local surveys, interviews, analysis of secondary data and SWOT were carried out to clarify ecotourism potential of Ta Thiet Protection Forest. It had various potential strengths for ecotourism development. The protected forest contained 86 vascular plant species belonging to 46 families. The fauna in Ta Thiet consisted of 58 fish species, 52 bird species, 26 insect species, 14 mammal species, 12 reptile species, and 3 amphibian ones. Among them, 19 species were listed in IUCN Red List of Threatened Species. Moreover, Mang River and about 20 beautiful streams made Ta Thiet more attractive. Interestingly, S'tieng and Khmer ethnic minorities in the forest surroundings and their traditional culture as well as many historical vestiges built during the Resistance War against America, would attract tourists. Yet, the context of ecotourism in this protected forest had many challenges and was disproportionate to its strengths. Thus, solutions were proposed for the sustainable development of ecotourism in Ta Thiet.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với xu hướng bùng nổ dân số đô thị trong những năm đầu thế kỷ 21 là sự phát triển nhanh chóng của du lịch sinh thái (DLST) không chỉ ở Việt Nam [1-6] mà còn ở nhiều nước trên thế giới [7- 9]. Song song với quá

trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, DLST ở Việt Nam ngày càng phát triển mạnh. DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường [10]. Kinh doanh DLST ở

các diện tích được bảo vệ như Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa (KBTTV) Đồng Nai hay Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập vừa tạo nguồn thu cho các bên tham gia vừa hạn chế các hoạt động khai phá tài nguyên rừng, đồng thời bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc [2, 6]. Nhờ vào truyền thống văn hóa đặc trưng, các cộng đồng dân tộc xung quanh các khu rừng tự nhiên đã lưu truyền nhiều lễ hội, món ẩm thực đặc sắc và sản xuất ra nhiều vật dụng thủ công mang đậm bản sắc của từng cộng đồng [6, 11].

Tiền thân của rừng phòng hộ Tà Thiết (RPHTT) là Lâm trường Tà Thiết, được UBND tỉnh Bình Phước chuyển đổi thành rừng phòng hộ theo Quyết định số 18/1999/QĐ-UB năm 1999 [12]. Tọa lạc ở phía Tây Bắc của tỉnh Bình Phước, RPHTT có những nét đẹp hoang sơ nhờ vào cảnh rừng nhiệt đới với hệ thống sông, suối tự nhiên. Được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt năm 2015, RPHTT bảo tồn nguồn gen của nhiều loài sinh vật rừng nhiệt đới hoang dã. Hơn nữa, các di tích lịch sử và nhiều cộng đồng dân tộc khác nhau như S'tiêng hay Khmer là vốn du lịch nhân văn quý giá cho RPHTT. Mặc dù vậy, thực trạng tiềm năng DLST tại RPHTT vẫn chưa được hiểu biết và nghiên cứu đầy đủ. Nghiên cứu này nhằm đánh giá vốn du lịch nhân văn và tự nhiên, đồng thời đề xuất những giải pháp phát triển DLST cho RPHTT

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu của Ban Quản lý RPHTT, Ban Quản lý di tích Tà Thiết (QDTT) và UBND tỉnh Bình Phước [12, 13] được sử dụng phục vụ cho nghiên cứu. Bên cạnh đó, Sách Đỏ Việt Nam [14], Danh lục Đỏ Thế giới IUCN [15] và Nghị định 84 [16] được dùng để tra cứu nhằm xác định những loài quý, hiếm bị đe dọa cần phải bảo tồn.

Có 7 tuyến với tổng chiều dài 30,7 km đã được tiến hành khảo sát bên trong rừng phòng hộ và ở các xã Lộc Thiện, Lộc Thành, Lộc Thịnh thuộc lâm phần RPHTT của huyện

Lộc Ninh. Những tuyến này dựa vào các con đường bên trong rừng và các thôn xung quanh RPHTT. Tuyến dài nhất với 12 km, từ trụ sở của QDTT (TSQL) theo ĐT754B đến quốc lộ 13 (QL13). Tuyến ngắn nhất là 0,7 km, từ TSQL đến Khu di tích Tà Thiết. Các tuyến khác bao gồm: TSQL – Khách sạn Tà Thiết (0,9 km), TSQL – Nông trường Lộc Thạnh (1,2 km), TSQL – Hải quan Cửa khẩu Lộc Thịnh (1,5 km), Chợ Lộc Thành – Đập Tà Tê (3,4 km), Ban Quản lý RPHTT – Đồn Biên phòng Lộc Thành (11 km).

Để nghiên cứu thực trạng DLST ở RPHTT, phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (RRA) được áp dụng. Có 12 cán bộ xã, QDTT và RPHTT; 19 du khách và 52 người dân đại diện cho các hộ thường trú ở các xã Lộc Thịnh, Lộc Thành và Lộc Thiện được phỏng vấn ngẫu nhiên. Trong số đó có 3 nhóm cung cấp thông tin chính, mỗi nhóm khoảng 2 - 4 người. Hơn nữa, công cụ SWOT được vận dụng phục vụ cho việc phân tích các điểm mạnh (S), điểm yếu (W), cơ hội (O) và thách thức (T) đối với thực trạng DLST tại RPHTT.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển DLST tại RPHTT

3.1.1. Tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Hiện trạng tài nguyên rừng

Giáp với đường biên giới Vương quốc Campuchia, RPHTT có tọa độ địa lý từ 106°24'35" đến 106°45'43" kinh độ Đông và từ 11°39'31" đến 11°59'25" vĩ độ Bắc. Rừng Tà Thiết có diện tích là 11.091,01 ha, thuộc địa bàn huyện Lộc Ninh của tỉnh Bình Phước. Trong đó, diện tích có rừng là 10.833,05 ha (97,67%), diện tích chưa có rừng 254,7 ha (2,3%) và đất khác 3,26 ha (0,03%).

Tà Thiết có các kiểu hệ sinh thái chính, bao gồm rừng cây lá rộng thường xanh; rừng bán thường xanh; rừng tre nứa thuần loại; rừng hỗn giao cây thân gỗ, tre, nứa; trảng cỏ, cây bụi; hệ sinh thái đất ngập nước. Mỗi hệ sinh thái RPHTT đều có sức hấp dẫn riêng và chứa đựng tiềm năng lớn cho phát triển DLST cũng như bảo vệ môi trường rừng.

b. Tài nguyên khí hậu, thủy văn

Tà Thiết nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa với hai mùa nắng và mưa rõ rệt. Số giờ nắng trong năm khoảng 2.434 - 2.749 giờ. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24°C và độ ẩm trung bình dao động từ 74% đến 79%. Lượng mưa trung bình 2.400 mm trên năm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 85% lượng mưa cả năm. Lượng mưa lớn trong các tháng mùa mưa ảnh hưởng lớn đến các hoạt động tham quan du lịch tại RPHTT.

Thuộc lưu vực sông Sài Gòn, RPHTT có sông Măng và khoảng 20 con suối đẹp cung cấp nước giúp cho khu rừng thêm nét hấp dẫn. RPHTT có 1 hồ nước với 2 cù lao nhỏ ở bên phải TSQL gần khách sạn Tà Thiết. Khu rừng này có không khí trong lành, rất ít khi bị thiên tai như bão hay lũ lụt. Tài nguyên khí hậu, thủy văn ở RPHTT là lợi thế để phát triển những dịch vụ như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tuần trăng mật, cắm trại.

c. Tài nguyên thực vật

RPHTT có khoảng 86 loài thực vật thuộc 46 họ. Đặc biệt, 1 loài bị đe dọa ở cấp nguy cấp EN trong Danh lục đỏ thế giới IUCN [15], 4 loài bị đe dọa có tên trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP [16]. Trong đó, Giáng hương trái to (*Pterocarpus macrocarpus*) là loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm IUCN và có giá trị kinh tế cao. Các loài trong danh sách của Nghị định 84 bao gồm: Mã tiền tán (*Strychnos umbellata*), Sến (*Madhuca pasquieri*), Trắc đen (*Dalbergia cochinchinensis*) và Chiêu liêu nghệ (*Terminalia nigrovenulosa*). Đặc biệt, lá Trung quân (*Ancistrocladus tectorius*) là vật liệu chính để làm mái lợp của các di tích lịch sử thời kỳ kháng chiến. Tài nguyên thực vật ở RPHTT là thành phần chính tạo sinh cảnh rừng phục vụ DLST.

d. Tài nguyên động vật

RPHTT có 149 loài động vật hoang dã thuộc 77 họ được ghi nhận. Có 14 loài thú thuộc 11

họ, 12 loài bò sát thuộc 7 họ, 3 loài lưỡng cư thuộc 2 họ. Trong đó, nhiều loài quý, hiếm có tên trong Nghị định 84 [16] là Kỳ đà hoa (*Varanus salvator*), Nhông (*Gracula religiosa*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*), Trăn mốc (*Python molurus bivittatus*), Trút (*Manis javanica*). Nhiều loài như Rắn hổ mang (*Naja kaouthia*), Tắc kè (*Gekko gekko*), Trăn đất (*Python bivittatus*) có tên trong Sách Đỏ Việt Nam [14]. Đặc biệt, RPHTT có các loài hoang dã, quý, hiếm, bị đe dọa cấp VU thuộc Danh lục Đỏ Thế giới IUCN [15] như Ba ba Nam Bộ (*Amyda cartilaginea*), Rùa đất lớn (*Heosemys grandis*). RPHTT có 26 loài côn trùng thuộc 17 họ, lớp cá có 58 loài thuộc 20 họ, lớp chim có 52 loài thuộc 25 họ. Nhiều loài chim đẹp thuộc Danh lục Đỏ IUCN ở mức ít nguy cấp LR như Chích choè lửa (*Copsychus malabaricus*), Hoạ mi (*Garrulax canorus*), Hút mật đỏ (*Aethopyga siparaja*), Khướu đầu trắng (*Garrulax leucolophus*), Sáo mỏ vàng (*Acridotheres grandis*). Thế mạnh về đa dạng sinh học ở RPHTT là tiềm năng lớn để phát triển DLST.

3.1.2. Tiềm năng tài nguyên du lịch nhân văn

a. Các di tích lịch sử văn hóa

Tà Thiết là nơi đặt Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy các lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (B2) trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ với nhiều di tích lịch sử. Đặc biệt, Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được thành lập tại Tà Thiết góp phần thống nhất Việt Nam năm 1975. RPHTT là nơi hoạt động và chiến đấu của nhiều vị tướng như Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng - Đại tướng Lê Đức Anh, Tư lệnh - Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó tư lệnh - Thiếu tướng Nguyễn Thị Định, Phó Chính ủy - Chủ nhiệm Chính trị - Thiếu tướng Lê Văn Tường, và Chính ủy Phạm Hùng. Nhiều di tích như Nhà Chính ủy, Hầm Giao ban (Hình 1), Bếp Hoàng Cầm có mái lợp lá Trung quân (*Ancistrocladus tectorius*) và được xây dựng nửa chìm nửa nổi.



Hình 1. Hầm giao ban và giao thông hào của Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam bên trong RPHTT
(Nguồn: Tác giả ghi hình bên trong RPHTT)

b. Văn hóa địa phương

Có nhiều nhóm dân tộc khác nhau cư trú xung quanh RPHTT. Đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm gần 37,5%. Trong đó, đồng bào thiểu số S'tiêng và Khmer chiếm đa số trong khu vực và có đời sống văn hóa đặc sắc được thể hiện trong các lễ hội hay sản phẩm truyền thống. Đặc biệt, tương tự cộng đồng S'tiêng, Chơ Ro hay Châu Mạ [2, 11, 17, 18], đồng bào S'tiêng ở RPHTT có lễ hội cồng chiêng và cúng thần lúa, cộng đồng Khmer có lễ hội truyền thống Dưa Tpeng (Phá Bàu), lễ hội Xuống đồng, lễ Bà Bóng và tết Chol Chnăl Thmây vào tháng 3 âm lịch. Lễ hội Dưa Tpeng là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ngoài ra, đồng bào thiểu số S'tiêng có nhiều sản phẩm truyền thống như gùi, dệt thổ cẩm và các món ẩm thực đặc trưng như rượu cần, cơm lam, ớt mây nướng, canh thut, canh bồi. Các đặc trưng văn hóa của cư dân xung quanh RPHTT là tiềm năng tạo nên sức hút đối với du lịch.

3.1.3. Các điều kiện phát triển DLST tại RPHTT

a. Đa dạng cảnh quan

Tà Thiết có khí hậu nhiệt đới, ít gió bão. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm cao. Độ dốc dao động từ 0 - 15°, độ cao trong khoảng 21 – 115 m. Những đặc tính này làm tăng sự đa dạng về cảnh quan rừng nhiệt đới và tính mạo hiểm là tiềm năng cho phát triển DLST.

Hệ sinh thái RPHTT bao gồm cả trên cạn và đất ngập nước. Sông Măng với hệ thống khe, suối và hồ góp phần tạo thêm vẻ đẹp và tăng tính đa dạng cảnh quan cho Tà Thiết. Hệ thống sông hồ và nhiều kiểu hệ sinh thái rừng khác nhau ở RPHTT là tiềm năng lớn cho du lịch trải nghiệm và tìm hiểu môi trường rừng.

b. Nhân lực

Nhân lực cho DLST ở RPHTT thiếu về số lượng cũng như chuyên môn. Chỉ có 13 lao động chủ yếu làm công tác hành chính, quản lý di tích và dịch vụ du lịch. Khả năng ngoại ngữ của phần lớn nhân lực còn yếu, thiếu nhân lực có nghiệp vụ du lịch, khách sạn và các chuyên môn ngành lâm nghiệp. Trong đó, có 2 lao động là đồng bào S'tiêng làm việc ở QD'TTT.

c. Cơ sở vật chất

Nguồn vật lực cho DLST còn thiếu và lạc hậu. Nhiều hạng mục cơ sở vật chất và các phương tiện đưa đón du khách đã cũ. Các tuyến du lịch trong RPHTT đến các di tích còn thiếu các khu vực dừng chân chờ tham quan, điểm nhấn, điểm vệ sinh công cộng và thu gom rác. RPHTT chưa có các khu cắm trại hoặc chòi vọng cảnh cũng như các sản phẩm du lịch sông nước.

Khách sạn Tà Thiết ở RPHTT do QD'TTT kiêm nhiệm quản lý với công suất 28 phòng. Trong khu vực bán kính khoảng 10 km quanh RPHTT

chỉ có khách sạn Tà Thiết và 5 nhà nghỉ. Sức chứa và chất lượng dịch vụ các nhà nghỉ thấp.

Nguồn lực tự nhiên phục vụ DLST chưa được chú trọng cải tạo. Diện tích 6 ha ruộng lúa gắn với 2 nhà chòi ruộng kiểu kiến trúc của đồng bào Khmer xuống cấp, chưa được phục dựng cho DLST. Một số nơi như khu vườn Xoài còn thiếu khu vực cắm trại dã ngoại. Các khu vực đất ngập nước còn có nhiều *Lục bình* (*Eichhornia crassipes* Solms) gây cản trở các hoạt động du lịch sông nước và cạnh tranh oxy của nhiều loài thủy sinh vật.

d. Sản phẩm DLST và sự kết nối các sản phẩm du lịch

DLST chưa được chú trọng quảng bá ở RPHTT. QDTT chưa có trang web cũng như facebook để quảng bá về DLST. Số lượng các sản phẩm dịch vụ DLST còn rất ít so với tiềm lực của RPHTT. DLST ở đây chưa có nhiều sản phẩm của thể mạnh như: khu cắm trại, khu vực phim trường, trải nghiệm canh tác nông nghiệp, khám phá - mạo hiểm, tuyến tham quan đường sông, tuyến đi xe đạp, tham quan làng đồng bào dân tộc, và nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe.

Nông nghiệp là nghề nghiệp chính của hầu hết người dân sống xung quanh RPHTT. Cây lâu năm chủ yếu là cao su, điều, tiêu. Cây hàng năm phổ biến là lúa và một số loại rau màu. Gà, vịt, heo, bò, trâu và dê là những loài chủ yếu được nuôi tại địa phương. Tuy nhiên, chưa có các sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch để phục vụ du khách. Đây là tiềm năng để xây dựng các sản phẩm OCOP, góp phần ổn định thu nhập cho cư dân địa phương và giảm áp lực lên rừng phòng hộ. RPHTT chưa có đề án phát triển DLST, giải trí, nghỉ dưỡng. Đặc biệt, những nghiên cứu về tác động của các hoạt động du lịch lên giới hạn chịu tải của rừng phòng hộ chưa được thực hiện. Ngoài ra, chưa có sự hợp tác tạo các tuyến du lịch với các đơn vị khác cũng như với cộng đồng các dân tộc địa phương trong phát triển du lịch và văn hóa. RPHTT chưa được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh, đồng thời chưa xây dựng tour kết nối với

các cảnh đẹp và các di tích lịch sử cấp tỉnh hay quốc gia ở Lộc Ninh hoặc khu vực lân cận.

e. Cơ chế, chính sách phát triển DLST

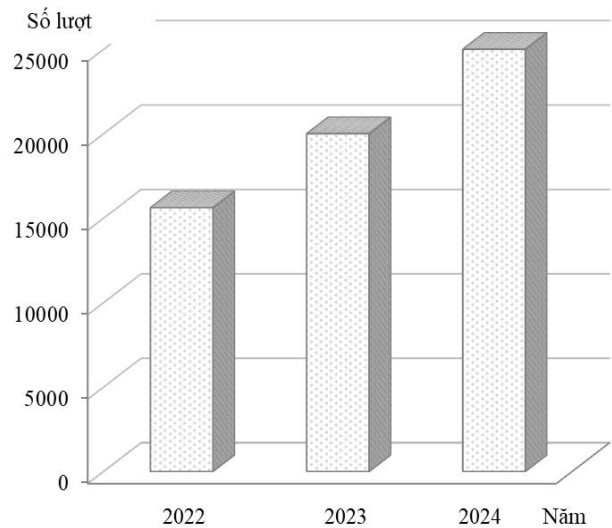
Địa phương và RPHTT chưa có cơ chế xã hội hóa cũng như khuyến khích cư dân khu vực RPHTT khởi nghiệp và tham gia vào các chuỗi trong dịch vụ DLST. Cơ chế ưu đãi và mời gọi đầu tư, hợp tác trong dịch vụ DLST tại RPHTT chưa được xây dựng.

Đề án tự chủ cũng như cơ chế đồng quản lý trong dịch vụ DLST chưa có. Hoạt động quảng bá DLST và các đặc sản địa phương gắn với bản sắc văn hóa các cộng đồng dân tộc chưa được chú trọng.

3.2. Đánh giá tính bền vững trong phát triển DLST

RPHTT đón hơn 15.620 lượt du khách trong năm 2022 (Hình 2). Không có du khách quốc tế đến RPHTT. Số lượng khách tham quan tăng đều trong các năm 2023 và 2024, lần lượt là 20.000 và 25.000 lượt du khách. Trung bình mỗi năm có khoảng 20.207 lượt khách và doanh thu hơn 620 triệu đồng. Thấp hơn nhiều so với VQG Cát Tiên (30.031 lượt), nhưng cao hơn nhiều so với lượt khách trung bình trên năm ở VQG Bù Gia Mập (2.706 lượt). Con số này chiếm chưa tới 1,7% số lượt du khách của tỉnh Bình Phước trong năm 2024. Như vậy, số lượng du khách ở RPHTT và doanh thu chưa tương xứng các thế mạnh về tài nguyên tự nhiên và vốn nhân văn mà khu rừng này có được.

Theo kết quả phỏng vấn, du khách chủ yếu là học sinh phổ thông ở Bình Phước, chưa thu hút được nhiều thành phần khác cũng như du khách bên ngoài tỉnh. Khách tham quan RPHTT chỉ tập trung vào các dịp lễ, tết; ngày thường có ít khách hoặc có ngày không có. Những nét nổi bật thu hút du khách đến tham quan RPHTT chủ yếu dựa trên những di tích lịch sử và hệ sinh thái rừng phòng hộ (Bảng 1). Các di sản văn hóa phi vật thể cũng như văn hóa các đồng bào dân tộc như S'tieng hay Khmer chưa được quảng bá để tạo sức hút gắn với du lịch tại RPHTT.



Hình 2. Số lượt du khách thăm RPHTT
(Nguồn: Tác giả phỏng vấn và tổng hợp, 2025)

Bảng 1. Ma trận SWOT phát triển DLST tại RPHTT

Điểm mạnh	Điểm yếu
1. RPHTT được quy hoạch trong hệ thống các điểm du lịch Quốc gia. 2. Tà Thiết có nhiều thế mạnh về vốn du lịch nhân văn, đặc biệt đây là khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và là khu vực có tính đa dạng về văn hóa. 3. Vốn du lịch tự nhiên ở RPHTT phong phú với nhiều loài động vật, thực vật rừng nhiệt đới ở mức nguy cấp, quý, hiếm như: Kỳ đà hoa, Rùa đất lớn, Chích chòe lửa, Giáng hương trái to, Mã tiền tán, Trắc đen [14-16]. 4. Hệ sinh thái rừng với cảnh quan đẹp như: sông Măng và nhiều con suối. 5. Công tác bảo tồn và phát triển ngành lâm nghiệp đã và đang được tỉnh Bình Phước chú trọng. 6. Lễ hội Dưa Tpeng là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.	7. RPHTT ở vùng sâu, vùng xa; khó kết nối với các trung tâm của các tỉnh thành khác. 8. Các sản phẩm DLST ở RPHTT còn rất đơn điệu, không đa dạng. 9. Nhân lực có chuyên môn về du lịch và quản lý tài nguyên rừng còn thiếu, nhiều công việc phải kiêm nhiệm. 10. Vốn tài chính cho phát triển DLST thiếu hụt. 11. Nhiều hạng mục cơ sở, vật chất phục vụ du khách ở RPHTT còn thiếu, cũ và lạc hậu. 12. DLST mới được triển khai ở RPHTT từ năm 2021. 13. Hoạt động DLST ở RPHTT ít được quảng bá. 14. Chưa có các hợp tác với các doanh nghiệp trong phát triển DLST. 15. Sự tham gia vào chuỗi các dịch vụ DLST của đồng bào dân tộc thiểu số còn quá ít.
Cơ hội	Thách thức
16. Huyện Lộc Ninh chiếm khoảng 40% số di tích lịch sử được công nhận của tỉnh Bình Phước. 17. Đông Nam Bộ là một trong những vùng có sức hút khách du lịch hàng đầu của Việt Nam [19]. 18. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn [20], DLST được chú trọng trong chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam và của tỉnh Bình Phước [19]. 19. DLST ngày càng được ưa chuộng. 20. Ngày càng có nhiều nhà đầu tư quan tâm đến lĩnh vực DLST gắn với đời sống hoang dã.	21. Mâu thuẫn giữa thu nhập từ hoạt động DLST và bảo vệ môi trường. 22. Các hoạt động khai thác tài nguyên đất và đa dạng sinh học trái pháp luật. 23. Tài nguyên rừng bị khai thác để làm đồ lưu niệm. 24. Tiếng ồn, chất thải từ các hoạt động DLST. 25. Nhiều cơ sở kinh doanh du lịch chưa có hệ thống xử lý nước thải. 26. Đời sống văn hóa địa phương bị pha tạp.

3.3. Giải pháp phát triển bền vững DLST

3.3.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

RPHTT cần xã hội hóa trong phát triển DLST, xây dựng cơ chế đồng quản lý trong một số dịch vụ thích hợp. Khuyến khích người dân khu vực RPHTT - đặc biệt là đồng bào S'tiêng và Khmer - tham gia vào các chuỗi trong dịch vụ DLST ở RPHTT.

DLST ở RPHTT cần được tăng cường quảng bá và hợp tác cùng phát triển. Xây dựng cơ chế ưu đãi, khuyến khích và mời gọi đầu tư, hợp tác tham gia vào chuỗi dịch vụ DLST tại RPHTT. Xây dựng đề án tự chủ trong dịch vụ DLST.

Địa phương cần tăng cường chính sách cho vay vốn ưu đãi phục vụ khởi nghiệp DLST, du lịch cộng đồng, phát triển các nghề thủ công truyền thống làm đồ lưu niệm. Phát triển DLST cần gắn với bảo tồn làng nghề và bản sắc văn hóa các cộng đồng dân tộc.

3.3.2. Giải pháp về nhân lực

QDTT cần sớm tuyển dụng hay đào tạo nhân lực có nghiệp vụ du lịch, tiếng Anh và các chuyên môn ngành lâm nghiệp cho DLST tại RPHTT. Thường xuyên nâng cao nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm triển khai dịch vụ DLST từ các đơn vị khác ở vùng Đông Nam Bộ.

Ưu tiên cư dân xung quanh RPHTT tham gia phục vụ DLST, đặc biệt các hộ đồng bào thiểu số. Đồng bào S'tiêng và Khmer phục vụ DLST cần có các tri thức, kỹ năng gắn với văn hóa truyền thống đặc trưng.

Địa phương cần xúc tiến, tìm kiếm hợp tác trong nước và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển DLST.

3.3.3. Thu hút sự tham gia của cộng đồng

Huyện Lộc Ninh cần có đề án đào tạo nghề miễn phí cho các hộ có tiềm năng phục vụ DLST, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo về khởi nghiệp, hướng dẫn viên du lịch, văn nghệ truyền thống, ẩm thực dân tộc, nghề thủ công truyền thống.

Ưu tiên cho các hộ dân địa phương tham

gia đầu tư vào các dịch vụ trong chuỗi DLST gắn với văn hóa truyền thống vay vốn với lãi suất ưu đãi. Tạo điều kiện cho các hộ tham gia vào nhiều sản phẩm và dịch vụ DLST để dần tăng thu nhập và góp phần tạo sinh kế bền vững. Đồng thời, góp phần phục hồi và phát triển các nghề thủ công mỹ nghệ của cư dân Lộc Ninh.

Địa phương cần quy hoạch và xây dựng du lịch cộng đồng S'tiêng, Khmer và làng du lịch của từng cộng đồng. Hơn nữa, cần xây dựng các câu lạc bộ truyền thống dân tộc S'tiêng, Khmer ở các xã trên địa bàn RPHTT. Các tuyến du lịch kết nối những điểm tham quan ở Lộc Ninh với RPHTT cần được xây dựng.

3.3.4. Sản phẩm DLST

Các dịch vụ DLST ở RPHTT cần được đa dạng hóa. Cần xây dựng và tổ chức các dịch vụ chưa có như khu cắm trại ven sông Măng hay ven các con suối, nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí, khu phim trường, tuyến đi bộ với hoa bằng lăng tím, tuyến ngắm cảnh bằng xe đạp hay đi thuyền trên sông Măng, khu trải nghiệm qua đêm trong rừng, vườn rừng, và tìm hiểu môi trường rừng Tà Thiết. Mặt khác, cần xuất bản sách cẩm nang DLST ở RPHTT và bổ sung thêm các biển chỉ dẫn cho du khách.

DLST ở RPHTT cần gắn với đời sống văn hóa – sản xuất của cư dân địa phương. Nên có đề án xây dựng làng du lịch S'tiêng và Khmer xung quanh RPHTT. Khuyến khích mở dịch vụ Homestay, Farmstay, đồng thời sớm phục hồi các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống của đồng bào thiểu số S'tiêng và Khmer. Ưu tiên các các nghề dệt thổ cẩm, đan chiếu, đan gùi và các sản phẩm từ mây, tre, nứa. Tuyển tham quan các làng nghề truyền thống và phối hợp tổ chức các lễ hội đặc trưng của đồng bào dân tộc S'tiêng và Khmer cần được xây dựng. Địa phương cần phục hồi một số lễ hội như Cồng chiêng của đồng bào S'tiêng và Ok Om Bok của đồng bào Khmer.

Giống với các cộng đồng S'tiêng và Châu

Mạ ở VQG Bù Gia Mập và Cát Tiên [6, 11, 18], QDTT cần xây dựng thực đơn cho khách du lịch các món ẩm thực truyền thống của đồng bào thiểu số S'tiêng, Khmer tại RPHTT như rượu cần, canh thục, cá nướng, cơm ống, cơm lam.

Các sản phẩm trải nghiệm sản xuất nông nghiệp cần sớm được xây dựng. Ưu tiên xây dựng mô hình Farmsaty, cải tạo diện tích 6 ha ruộng bỏ hoang phục vụ du lịch. Cải tạo nhà chòi canh ruộng của đồng bào Khmer và phục dựng nhà dài truyền thống S'tiêng để tạo thêm điểm nhấn. QDTT cần xây dựng các khu cắm trại dã ngoại tại khu vườn Xoài, khu vực dừng chân chờ tham quan di tích và các vị trí thích hợp khác.

Các tour khép kín kết nối RPHTT tới các di tích lịch sử cấp tỉnh hay quốc gia ở Lộc Ninh cần được thiết kế như Nhà giao tế của Trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; Bảo tàng Đoạn cuối đường mòn Hồ Chí Minh; Kho xăng Lộc Quang; Sân bay quân sự Lộc Ninh; Bia chiến thắng Dốc 31; Thành đất hình tròn Lộc Tấn 2; Bãi Tiên; Chùa Sóc Lớn; Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

QDTT cần xây dựng các hoạt động trao đổi kinh nghiệm trong quản lý DLST từ những BQL rừng đặc dụng khác ở Đông Nam Bộ, ví dụ như VQG Bù Gia Mập hay VQG Cát Tiên [2, 6].

3.3.5. Xây dựng thương hiệu

Địa phương và QDTT cần quảng bá DLST và giá trị nhân văn của Tà Thiết ra bên ngoài tỉnh Bình Phước, đặc biệt là các tỉnh lân cận trong vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Ưu tiên quảng bá các sản phẩm nổi bật về cảnh quan hoang dã, di tích lịch sử, văn hóa truyền thống của đồng bào S'tiêng và Khmer.

Các hoạt động DLST cần gắn liền với các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa các cộng đồng địa phương và ý thức bảo vệ RPHTT.

DLST ở RPHTT cần có tuyến kết nối với nhiều điểm du lịch ở Lộc Ninh, các địa phương khác ở Bình Phước và các tỉnh lân cận như VQG Bù Gia Mập, núi Bà Rá, trảng cỏ Bù Lạch, hồ Dầu Tiếng, núi Cậu, núi Bà Đen.

QDTT cần phối hợp với địa phương tổ chức các sự kiện như các giải thể thao, các triển lãm hay hội chợ ở RPHTT nhằm kích cầu DLST. Tăng cường trao đổi, tham gia hội thảo, sự kiện về DLST trong nước và quốc tế nhằm quảng bá ra bên ngoài tỉnh.

Trang web cho RPHTT cần được xây dựng để quảng bá DLST, du lịch nhân văn và nâng cao ý thức bảo vệ rừng phòng hộ. Trước tiên, trang web cần được xây dựng bằng tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó có bản đồ của các tuyến DLST và kết hợp quảng bá các sản phẩm đặc trưng của RPHTT.

Nguồn nhân lực phục vụ DLST ở RPHTT cần được bồi dưỡng nghiệp vụ và đào tạo chuyên môn nhằm sớm khẳng định thương hiệu du lịch.

Địa phương cần quảng bá, mời gọi doanh nghiệp đầu tư, liên kết vào chuỗi các dịch vụ DLST ở RPHTT. Tỉnh Bình Phước cần nâng cấp tuyến đường chính Đồng Tâm – Tà Thiết thuộc ĐT754 đi ngang qua trước RPHTT, kết nối tỉnh Tây Ninh với QL13 đi qua huyện Lộc Ninh.

3.3.6. Quy hoạch phát triển DLST

Đề án DLST gắn với các dự án phát triển 3 xã trên địa bàn RPHTT cần sớm được xây dựng. Đề án cần gắn với quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Bình Phước, trong đó RPHTT là cụm DLST kết hợp với di tích, văn hóa, lịch sử địa phương. Đồng thời, xây dựng tiêu chí hoạt động cho các dịch vụ DLST. Cần quy hoạch, duy trì và phát triển các bầu nước trong và xung quanh RPHTT để phát triển lễ hội Dưa Tpeng của đồng bào Khmer.

Một số tuyến tham quan cần được sửa chữa, nâng cấp; ưu tiên tuyến đường từ TSQL đến khu các di tích lịch sử thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Cần thiết kế, xây dựng các điểm nhấn dọc các tuyến du lịch đến các di tích bên trong RPHTT.

Phát triển DLST ở RPHTT cần đảm bảo việc bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ, đồng thời phải gắn với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh của tỉnh Bình Phước.

Huyện Lộc Ninh cần lập quy hoạch xây dựng các làng du lịch của đồng bào thiểu số S'tiêng và Khmer. Phát triển nghề đan lát của đồng bào Khmer và dệt thổ cẩm của đồng bào S'tiêng phục vụ DLST và cung ứng cho thị trường. Ưu tiên xây dựng thương hiệu các nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và sản phẩm thủ công OCOP truyền thống.

Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của huyện Lộc Ninh cần chú ý phát triển DLST ở RPHTT. Đặc biệt, cần ưu tiên sự tham gia của đồng bào thiểu số và cư dân sống xung quanh rừng phòng hộ vào các dịch vụ DLST. Các nguồn lực cần được nâng cấp để RPHTT được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh.

3.3.7. Giải pháp khoa học, công nghệ bảo vệ rừng phòng hộ

Trang web và mạng xã hội facebook cần được xây dựng để quảng bá DLST RPHTT, các giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thông bảo vệ rừng. Trong đó, cần có sơ đồ tuyến du lịch, thông tin bảo vệ môi trường rừng và các điểm cảnh báo nguy hiểm trên trang web để du khách dễ truy cập.

Các nghiên cứu chuyên sâu về tài nguyên đa dạng sinh học, đất đai và hệ thống sông, suối cần sớm được triển khai nhằm làm cơ sở quản lý RPHTT và dịch vụ DLST.

Lục bình (*Eichhornia crassipes* Solms) ở các diện tích đất ngập nước trong RPHTT cần được trục vớt thường xuyên và có thể trồng Sen (*Nelumbo nucifera*) thay thế. Các khu vệ sinh công cộng cần được xây dựng và thùng thu gom rác trên các tuyến cần được bổ sung nhằm bảo vệ môi trường rừng. Mỗi, một ở các di tích cần được thường xuyên phòng chống. Rong, rêu trên các tuyến tham quan cần được xử lý để đảm bảo an toàn cho khách.

Đề án phát triển DLST, giải trí, nghỉ dưỡng ở RPHTT cần được xây dựng. Giống với đề xuất trong các nghiên cứu ở VQG Bù Gia Mập, KBTTNVH Đồng Nai và VQG Cát Tiên, mức chịu tải của RPHTT và các quy luật tác động của DLST cần sớm được nghiên cứu nhằm có các giải pháp thích hợp [2, 6, 17]. Từ đó các quy chuẩn cần được xây dựng nhằm phòng

ngừa, bảo vệ tài nguyên và môi trường rừng phòng hộ.

4. KẾT LUẬN

Vốn du lịch tự nhiên và nhân văn của RPHTT có nhiều tiềm năng cho phát triển DLST. RPHTT là nơi bảo tồn nhiều loài sinh vật hoang dã, trong đó có 18 loài thuộc Danh lục Đỏ Thế giới IUCN và nhiều loài khác trong Sách Đỏ Việt Nam cũng như trong Nghị định 84. Các di tích lịch sử nổi tiếng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, đa dạng văn hóa các dân tộc và cảnh rừng hoang dã là những thế mạnh đầy tiềm năng cho phát triển DLST ở RPHTT.

Dù có nhiều thế mạnh nhưng thực trạng DLST tại RPHTT chưa phát triển tương xứng. Đề án DLST cho Tà Thiết chưa được xây dựng. Vốn vật chất cũng như rất nhiều dịch vụ và hạ tầng DLST còn thiếu và lạc hậu. Nguồn nhân lực DLST còn thiếu về chuyên môn, nghiệp vụ. Vốn tài chính để phát triển DLST rất hạn hẹp. Thế mạnh của nguồn lực tự nhiên cho DLST chưa được chú trọng phát huy cũng như quảng bá. Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong phát triển DLST chưa hiệu quả và đồng bộ. Bên cạnh đó, DLST tại RPHTT còn thiếu các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa đặc trưng của các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Từ thực trạng DLST ở RPHTT, nhiều giải pháp được đề xuất dựa trên cơ sở đa dạng hóa và chất lượng sản phẩm DLST, uy tín thương hiệu, khuyến khích xã hội hóa, chất lượng nhân lực cũng như vật lực, công nghệ bảo vệ môi trường rừng phòng hộ, đòn bẩy kinh tế, cơ chế và chính sách. Đó là cơ sở hướng tới phát triển bền vững DLST ở RPHTT gắn với bảo vệ tốt rừng phòng hộ, đồng thời tạo sinh kế bền vững cũng như bảo tồn văn hóa truyền thống của cư dân, đặc biệt là đồng bào S'tiêng và Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luong The Bao (2025). The role of place attachment in the relationship, between ecotourism motivation, nature-based destination image, and ecotourism intention: A case study of South Cat Tien National Park, Vietnam, International Journal of Geoheritage and Parks. 13(1): 31-43.
- [2]. Đinh Thanh Sang (2024). Tiềm năng và giải pháp

phát triển bền vững du lịch sinh thái ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm Nghiệp. 13(5): 118-126.

[3]. Đinh Thanh Sang (2010). Participation of ethnic minorities in ecotourism: Case study of Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. In: Proceedings of Biodiversity Management and Tourism Development. Lombok, Indonesia. 202–210.

[4]. Đồng Thị Thanh, Nguyễn Xuân Thanh, Trần Văn Hào & Ngô Văn Long (2021). Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cộng đồng địa phương tại thị trấn Măng Đen, huyện Konplong, tỉnh Kom Tum. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 5: 131-142.

[5]. Tran Kim Bao & Pham Le Dong Hau (2025). The impact of livelihood assetsQL on the income and environmental awareness of household tourism in southwest Vietnam. J. Geogr. Inst. Cvijic. 75(1): 105-120.

[6]. Đinh Thanh Sang (2019). Tiềm năng và hướng phát triển bền vững du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Bù Gia Mập. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 23: 127-134.

[7]. Estrada M. R. M. & Estrada E. S. M. (2024). Ethnic ecotourism: an alternative for the environmental sustainability of the Rancheria River delta, La Guajira. Multidisciplinar. 103(2): 1-7.

[8]. Nuryasman M. N., Kartika N. & Cokki. (2020). Shift-Share analysis of tourism industry growth in Kulon Progo Yogyakarta. Industrial Engineering & Management Systems. 19(3): 610-621.

[9]. Mafut M., Ricky A., Dudung D. & Sambas B. (2022). Ecotourism pillars enforcement to geotourism destination in Slamet and Serayu mountainous areas, Central Java province. Jurnal Manajemen Hutan Tropika. 28(1): 72-82.

[10]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017). Luật Du lịch. Hà Nội.

[11]. Đinh Thanh Sang (2019). Tri thức bản địa về sử

dụng thực vật rừng ăn được của đồng bào S'tiêng ở Vườn quốc gia Cát Tiên. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 8-15.

DOI: 10.22144/ctu.jvn.2019.071.

[12]. UBND tỉnh Bình Phước (1999). Quyết định số 18/1999/QĐ-UB ngày 03/2/1999 về việc chuyển đổi Lâm trường Tà Thiết thành Ban quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết. Bình Phước.

[13]. Ban Quản lý di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (2023). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

[14]. Bộ khoa học và Công nghệ môi trường (2007). Sách Đỏ Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

[15]. IUCN (2025). IUCN Red List of Threatened Species.

[16]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2021). Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.

[17]. Đinh Thanh Sang (2020). Quản lý bền vững rừng đặc dụng: trường hợp nghiên cứu ở Vườn quốc gia Cát Tiên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 5: 100-109.

[18]. Đinh Thanh Sang & Đinh Quang Diệp (2007). Kiến thức bản địa về sử dụng tài nguyên rừng của đồng bào Châu Mạ Vườn Quốc gia Cát Tiên. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp. Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. 3: 113-117.

[19]. Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam (2011). Quyết định 2473/QĐ-TTg 30/12/2011 về chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030. Hà Nội.

[20]. Bộ Chính trị (2017). Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Hà Nội.